

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNGCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: ~~4107~~ /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích chùa Thu Lăng,
xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng (hạng mục: Tam bảo, nhà Tổ,
nhà Mẫu, Tam quan, tường bao)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hoá;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

Căn cứ Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng);

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng tại Tờ trình số 95/TTrUBND ngày 15 tháng 9 năm 2026; của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Báo cáo số 828/BC-SVHTTDL ngày 15 tháng 9 năm 2026 và Công văn số 5982/SVHTTDL-QLDSVH ngày 15 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích chùa Thu Lãng, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng (hạng mục: Tam bảo, nhà Tổ, nhà Mẫu, Tam quan, tường bao) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích chùa Thu Lãng, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng (hạng mục: Tam bảo, nhà Tổ, nhà Mẫu, Tam quan, tường bao).

2. Địa điểm xây dựng: xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng.

5. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần xây dựng và tu bổ công trình văn hoá Hải Dương.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Công trình dân dụng (di tích văn hóa), dự án nhóm C, cấp III;
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Không nhỏ hơn 50 năm.

7. Mục tiêu dự án:

Bảo tồn và phát huy giá trị di tích chùa Thu Lãng đã được đưa vào Danh mục kiểm kê di tích tại Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng).

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Nhà Tam bảo: Hạ giải nhà Tam bảo hiện trạng, kiến trúc kiểu chữ Đinh (J) gồm 05 gian Tiền đường, 02 gian Thượng điện đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Phục dựng nhà Tam bảo kiến trúc hình chữ Đinh (J) gồm 05 gian Tiền đường dài 13,4m x rộng 6,6m x cao đỉnh chông nóc 5,73m, 02 gian Thượng điện dài 6,0m x rộng 5,0m x cao đỉnh chông nóc 5,73m. Kết cấu mái bằng gỗ lim Nam Phi, kết cấu bộ vì bằng bê tông cốt thép; tường bao che xây gạch chỉ đặc, nền lát gạch đất nung, kích thước 300x300, cửa đi bằng gỗ kiểu thượng song hạ bản.

Nâng nền 0,45m (so với hiện trạng) để tránh ngập úng. Lắp đặt điện chiếu sáng, chống mối mọt và phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Nhà Tổ: Hạ giải nhà Tổ hiện trạng kiến trúc kiểu chữ Nhất (-) gồm 03 gian đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Phục dựng nhà Tổ kiến trúc kiểu chữ Nhất (-) gồm 03 gian dài 6,6m x rộng 3,6m x cao đỉnh chông nóc 4,058m. Kết cấu mái gồm hoành, tàu mái, lá mái, chông nóc và kết cấu bộ vì bằng bê tông cốt thép; tường bao che xây gạch chỉ đặc, nền lát gạch đất nung, kích thước 300x300. Nâng nền 0,30m (so với hiện trạng) để tránh ngập úng. Lắp đặt điện chiếu sáng và phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Nhà Mẫu: Hạ giải nhà Mẫu hiện trạng kiến trúc kiểu chữ Nhất (-) gồm 03 gian đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Phục dựng nhà Mẫu kiến trúc kiểu chữ Nhất (-) gồm 03 gian dài 6,6m x rộng 3,6m x cao đỉnh chông nóc 4,058m. Kết cấu mái gồm hoành, tàu mái, lá mái, chông nóc và kết cấu bộ vì bằng bê tông cốt thép; tường bao che xây gạch chỉ đặc, nền lát gạch đất nung, kích thước 300x300. Nâng nền 0,25m (so với hiện trạng) để tránh ngập úng. Lắp đặt điện chiếu sáng và phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Tam quan: Xây dựng Tam quan kiến trúc kiểu chông diêm 08 mái, gồm 03 lối đi, kích thước rộng 6,22m x cao đến bờ nóc mái thượng 6,15m (lối đi chính rộng 3,0m; hai lối đi phụ hai bên rộng 1,61m/01bên). Mái dán ngói mũi hài, kết cấu chịu lực chính dùng hệ khung, dầm mái bê tông cốt thép, xây gạch chỉ đặc, sau khi hoàn thiện quét vôi ve màu truyền thống.

- Tường bao: Dài 87,0m, xây bằng gạch chỉ đặc dày 0,11m x cao 1,988m; trụ xây bằng gạch chỉ đặc cao 2,52 x 0,33x0,33 kết hợp giằng bê tông cốt thép để tăng độ ổn định; xây trát dùng VXM, quét vôi ve.

(Chi tiết tại Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích chùa Thu Lăng, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, hạng mục: Tam bảo, nhà Tổ, nhà Mẫu, Tam quan, tường bao đã được Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thẩm định tại Công văn số 5982/SVHTTDL-QLDSVH ngày 15 tháng 9 năm 2026; được tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện tại Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng và Báo cáo số 828/BC-SVHTTDL ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng (có Phụ lục kèm theo).

10. Tổng mức đầu tư xây dựng (làm tròn): **3.700.000.000 đồng** (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng).

Chi phí xây dựng:	3.022.528.000 đồng;
Chi phí quản lý dự án:	103.023.000 đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	323.982.000 đồng;
Chi phí khác:	74.331.000 đồng;
Chi phí dự phòng:	176.190.000 đồng.



11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn xã hội hoá.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án.

14. Đối tượng thụ hưởng: Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo nội dung phê duyệt tại Điều 1, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan kiểm tra, hướng dẫn, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành: Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tài chính; Kho bạc Nhà nước khu vực III; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XD&CT, TC, VX, NN&MT, NV&KTGS;
- CV: Đ.T.Thành;
- Lưu: VT, N.N.Phong;

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân

Phụ lục
DANH MỤC QUY CHUẨN KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG
(Kèm theo Quyết định số **4107** /QĐ-UBND ngày **30** tháng **9** năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Ký hiệu
I	Quy chuẩn	
1	Quy chuẩn nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe	QCXDVN 05:2008/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022 /BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng.	QCVN 12:2014/BXD
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sử dụng năng lượng hiệu quả trong các công trình xây dựng	QCVN 09:2013/BXD
5	Các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan	
II	Tiêu chuẩn	
1	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật - Khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích.	TCVN 13880:2023
2	Bảo quản, tu bổ, phục hồi kiến trúc nghệ thuật - Yêu cầu thiết kế.	TCVN 14382:2025
3	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật - Thi công và nghiệm thu kết cấu gỗ	TCVN 12185:2017
4	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích kiến trúc nghệ thuật - Thi công và nghiệm thu phần nề ngỗa	TCVN 12603:2018
5	Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa chung	TCVN 10382:2024
6	Khảo sát đánh giá tình trạng nhà và công trình xây gạch đá	TCVN 9378: 2012
7	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
8	Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình	TCVN 9362:2012
9	Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế	TCVN 4319:2012
10	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - kết cấu gỗ - kí hiệu - quy ước trên bản vẽ	TCVN 4610:2012

STT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Ký hiệu
11	Hướng dẫn đánh giá mức độ nguy hiểm của kết cấu nhà	TCVN 9381:2012
12	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
13	Thiết kế kết cấu khối xây	TCVN 5573:2025
14	Chiếu sáng tự nhiên trong nhà ở và công trình công cộng - yêu cầu thiết kế	TCVN 13983:2024
15	Gỗ xẻ - Khuyết tật - Thuật ngữ và định nghĩa	TCVN 4739:1989
16	Tính chất vật lý và cơ học của gỗ - phương pháp thử dành cho mẫu nhỏ không khuyết tật từ gỗ tự nhiên - phần 12: Xác định độ cứng tĩnh	TCVN 13707-12:2023
17	Tính chất vật lý và cơ học của gỗ - phương pháp thử dành cho mẫu nhỏ không khuyết tật từ gỗ tự nhiên - phần 4: Xác định mô đun đàn hồi uốn tĩnh	TCVN 13707-4:2023
18	Gỗ xẻ. Kích thước, cơ bản	TCVN 1075:1971
19	Gỗ tròn - Bảng tính thể tích	TCVN 1238:1986
20	Gỗ xẻ - Bảng tính thể tích	TCVN 1284:1986
21	Gỗ xẻ - Phân hạng theo khuyết tật	TCVN 1758:2025
22	Gỗ xẻ - Thuật ngữ và định nghĩa liên quan đến hình dạng, kích thước.	TCVN 1076:2025
23	Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí	TCVN 3890:2023
24	Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay - Tính năng và cấu tạo	TCVN 7026:2025
25	Các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan	